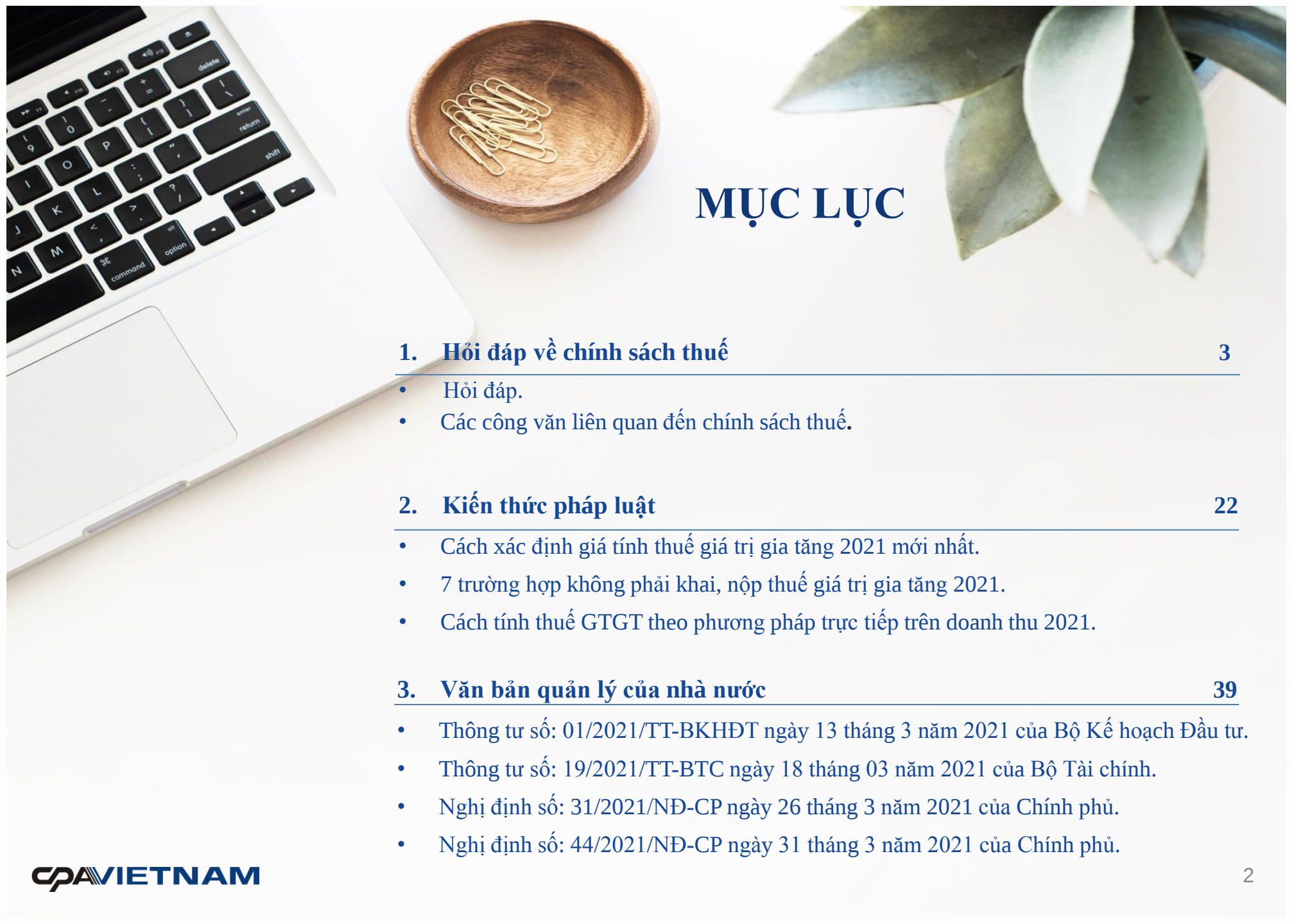


A high-angle photograph of a dark wooden desk. In the top left, a portion of a white calculator is visible, showing buttons for 'AC', '+/-', '0', '00', and '000'. To its right lies a black pen with gold-colored accents. On the left side, a pair of gold-rimmed glasses with clear lenses is partially visible. In the top right corner, a yellow notebook with a red bookmark is partially shown. A large, blank white sheet of paper is spread across the center and right side of the desk. The text 'BẢN TIN PHÁP LUẬT' is printed in a bold, blue, sans-serif font on the right side of the paper, with a thin blue horizontal line underneath it. Below this, the date 'Tháng 05/2021' is printed in a smaller, blue, serif font. In the bottom right corner of the white paper, the tip of a fountain pen is visible.

BẢN TIN PHÁP LUẬT

Tháng 05/2021



MỤC LỤC

1. Hỏi đáp về chính sách thuế 3

- Hỏi đáp.
- Các công văn liên quan đến chính sách thuế.

2. Kiến thức pháp luật 22

- Cách xác định giá tính thuế giá trị gia tăng 2021 mới nhất.
- 7 trường hợp không phải khai, nộp thuế giá trị gia tăng 2021.
- Cách tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu 2021.

3. Văn bản quản lý của nhà nước 39

- Thông tư số: 01/2021/TT-BKHĐT ngày 13 tháng 3 năm 2021 của Bộ Kế hoạch Đầu tư.
- Thông tư số: 19/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Bộ Tài chính.
- Nghị định số: 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.
- Nghị định số: 44/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.



HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

4 - 13

Hỏi đáp

14 - 21

Các công văn liên quan đến chính sách thuế

1. Hỏi:

Năm 2020, Công ty tôi có doanh thu về cung cấp hàng hóa là 198 tỷ đồng, doanh thu hoạt động tài chính lãi tiền gửi ngân hàng là 1 tỷ đồng, thu nhập khác về thanh lý tài sản là 2,1 tỷ đồng. Xin hỏi, doanh thu để xác định điều kiện hưởng giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) của công ty là bao nhiêu? Công ty có được hưởng miễn giảm 30% thuế TNDN không?

Trả lời:

Theo Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế TNDN phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác:



“2. Tổng doanh thu năm 2020 làm căn cứ xác định đối tượng áp dụng được giảm thuế theo quy định tại Khoản 1 Điều này là tổng doanh thu trong kỳ tính thuế TNDN năm 2020 của doanh nghiệp bao gồm toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung ứng dịch vụ kể cả trợ giá, phụ thu, phụ trội mà doanh nghiệp được hưởng theo quy định của Luật Thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn thi hành”.

Căn cứ quy định nêu trên, doanh thu năm 2020 làm căn cứ xác định đối tượng được giảm 30% thuế TNDN là doanh thu bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ của doanh nghiệp.

2. Hỏi:

Kính gửi Quý Bộ. Đơn vị tôi được giao cải tạo sửa chữa một số công trình quy mô nhỏ bằng nguồn kinh phí hoạt động không thường xuyên được bố trí trong dự toán giao hàng năm của đơn vị. Các gói thầu xây lắp đó có giá từ 100 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng. Khi đơn vị chọn hình thức lựa chọn nhà thầu thì có 2 trường hợp xảy ra:

Trường hợp 1, theo quy định tại Điều 54 Luật Đấu thầu, đối với các gói thầu xây lắp có giá dưới 1 tỷ đồng thì áp dụng hình thức chỉ định thầu (gói thầu có giá trị trong hạn mức được áp dụng chỉ định thầu).

Trường hợp 2, theo quy định tại Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 quy định việc sửa chữa thường xuyên nhỏ, lẻ nhà cửa, công trình xây dựng không thuộc dự án đầu tư xây dựng cơ bản thì với giá gói thầu từ 100 triệu đồng trở lên áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh (áp dụng với nguồn chi thường xuyên).

Tôi xin hỏi, với nguồn vốn là nguồn kinh phí hoạt động không thường xuyên khi áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu xây lắp nêu trên, đơn vị tôi áp dụng hình thức chỉ định thầu có đúng không?

Trả lời:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trả lời vấn đề này như sau:

Điều 54 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định gói thầu có giá trị trong hạn mức được áp dụng chỉ định thầu theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 22 của Luật Đấu thầu bao gồm:

- 
- Không quá 500 triệu đồng đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ công;
 - Không quá 1 tỷ đồng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp, mua thuốc, vật tư y tế, sản phẩm công;
 - Không quá 100 triệu đồng đối với gói thầu thuộc dự toán mua sắm thường xuyên.

Đối với vấn đề của Độc giả, việc áp dụng hình thức chỉ định thầu được thực hiện theo quy định nêu trên.

3. Hỏi:

Kính hỏi Quý Bộ. Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Tân Thuận xây dựng quỹ lương người lao động dựa trên lợi nhuận thực hiện hằng năm, được chủ sở hữu phê duyệt để chi trả và quyết toán lương cho người lao động. Công ty trả lương cho người lao động theo thang lương, bảng lương, phụ cấp lương do Công ty xây dựng. Từ tháng 1 đến tháng 12 Công ty đã trả lương và khai nộp BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động theo hợp đồng lao động đã ký kết. Cuối năm lập báo cáo tài chính, quỹ tiền lương thực hiện của năm lớn hơn tổng số tiền lương Công ty đã trả cho người lao động theo hợp đồng lao động đã ký kết, phần tiền lương tăng thêm này Công ty trả cho người lao động vào quý 1 của năm sau (chia làm nhiều đợt, không trả cùng với kỳ lương). Công ty hỏi, tiền lương tăng thêm này có phải khai nộp BHXH không? Nếu phải khai nộp thì Công ty phải làm thủ tục như thế nào?

Trả lời:

Bảo hiểm xã hội Việt Nam trả lời vấn đề này như sau:



Căn cứ Điều 17 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc; Điều 30 Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc, tiền lương tháng đóng BHXH là mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác theo quy định của pháp luật về lao động ghi trong hợp đồng lao động; trong đó, mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác ghi trong hợp đồng lao động quy định tại Khoản 1, Điểm a Khoản 2, Điểm a Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/11/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về hợp đồng, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/1/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động.

Đề nghị công ty căn cứ vào quy định nêu trên để xác định tiền lương làm căn cứ đóng BHXH đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

4. Hỏi:

Kính gửi Quý Bộ. Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên DN tôi phải bố trí 40% lao động làm việc bán thời gian. DN đã triển khai ký Phụ lục HĐLĐ ngắn hạn (theo quý) làm việc bán thời gian, tiền lương bằng 50% mức lương ghi trong HĐLĐ đã ký, đều thấp hơn mức lương tối thiểu vùng và DN thực hiện đóng bảo hiểm cho NLĐ theo lương tối thiểu vùng. Vậy, NLĐ làm việc bán thời gian có được tự nguyện đóng bổ sung giá trị bảo hiểm ngoài phần doanh nghiệp đóng (theo mức lương tối thiểu vùng) để đảm bảo mức đóng BHXH theo mức tiền lương đang đóng trước khi xảy ra dịch Covid-19 không? Theo tôi hiểu, thực hiện cách này không gây khó khăn cho DN do không làm tăng chi phí và tránh được thiệt thòi cho NLĐ, nhất là các đối tượng đã gần đủ năm đóng bảo hiểm và sắp đến tuổi nghỉ hưu sẽ bị giảm thấp lương hưu sau này.

Trả lời:

Bảo hiểm xã hội Việt Nam trả lời vấn đề này như sau:

Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ. Khoản 2 Điều 21 Luật BHXH năm 2014, tiền lương tháng làm căn cứ đóng BHXH đối với NLĐ làm việc theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định là mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác theo quy định của pháp luật ghi trong HĐLĐ.



Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/1/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động; Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 23/2015/TT-BLĐTBXH ngày 23/6/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về tiền lương Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/1/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động, tiền lương trả cho người lao động được căn cứ theo tiền lương ghi trong HĐLĐ, năng suất lao động, khối lượng và chất lượng công việc mà người lao động đã thực hiện, bảo đảm mức lương trả cho người lao động làm công việc đơn giản nhất trong điều kiện lao động và thời giờ làm việc bình thường, hoàn thành định mức lao động hoặc công việc đã thỏa thuận (không bao gồm khoản tiền trả thêm khi người lao động làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm) không được thấp hơn mức lương tối thiểu vùng.

5. Hỏi:

Kính hỏi Quý Bộ. Công ty tôi đang hỗ trợ cho đội trưởng và đội phó đội phòng cháy chữa cháy 447.000 đồng/tháng, tương đương với 0,3% mức lương cơ sở. Công ty có đóng bảo hiểm cho khoản hỗ trợ này. Vậy, mức phụ cấp này có phải ghi vào hợp đồng lao động hay phụ lục không? Phụ cấp này có được tính vào lương để chi trả tiền phép năm đối với những lao động chưa sử dụng hết phép năm không?

Trả lời:

Căn cứ quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 22/1/2015 của Chính phủ thì hợp đồng lao động có nội dung mức lương, phụ cấp lương, các khoản bổ sung khác.

Theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 26 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/1/2015 của Chính phủ thì tiền lương làm căn cứ trả cho NLĐ trong những ngày chưa nghỉ hàng năm hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hàng năm tại Điều 114 của Bộ luật Lao động được quy định như sau:

“Đối với NLĐ đã làm việc từ đủ 6 tháng trở lên là tiền lương bình quân theo hợp đồng lao động của 6 tháng liền kề trước khi NLĐ thôi việc, bị mất việc làm. Đối với NLĐ chưa nghỉ hàng năm hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hàng năm vì các lý do khác là tiền lương bình quân theo hợp đồng lao động của 6 tháng liền kề trước khi người sử dụng lao động tính trả bằng tiền những ngày chưa nghỉ hàng năm.



Đối với NLĐ có thời gian làm việc dưới 6 tháng là tiền lương bình quân theo hợp đồng lao động của toàn bộ thời gian làm việc.”

Vì vậy, trường hợp khoản phụ cấp phòng cháy, chữa cháy được ghi trong hợp đồng lao động thì khoản tiền này được tính vào tiền lương làm căn cứ trả cho NLĐ trong những ngày chưa nghỉ hàng năm hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hàng năm.

Bộ luật Lao động năm 2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2021, theo đó, nội dung chủ yếu của hợp đồng lao động được quy định tại Khoản 1 Điều 21 của Bộ luật Lao động.

Việc chi trả phép năm đối với trường hợp NLĐ được thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 67 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

6. Hỏi:

Kính hỏi Quý Bộ. Một lao động nữ, sinh ngày 15/12/1970, công tác trong một đơn vị sự nghiệp, có thời gian đóng BHXH đến thời điểm hiện tại là 23 năm trong điều kiện lao động bình thường, đã hoàn thiện hồ sơ xin nghỉ hưu trước tuổi. Lao động này xin nghỉ hưu trước tuổi theo diện “chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc được cơ quan, đơn vị bố trí việc làm khác nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý”. Vậy theo quy định mới về tuổi nghỉ hưu, người lao động nêu trên có được giải quyết nghỉ hưu trước tuổi tại thời điểm tháng 5/2021 không, hay phải chờ đến thời điểm còn thiếu 5 tuổi so với tuổi nghỉ hưu của lao động nữ (tức là phải đủ 52 tuổi 8 tháng)?

Trả lời:

Bộ Nội vụ trả lời vấn đề này như sau:



Theo ý kiến của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Văn bản số 223/BLĐTBXH-BHXXH ngày 28/1/2021 và Bộ Tư pháp tại Văn bản số 850/BTPPLDSKT ngày 24/3/2021 thì đối với trường hợp nữ, sinh tháng 12/1970 thuộc đối tượng tinh giản biên chế thì tại thời điểm tháng 5/2021 đã 50 tuổi 5 tháng, còn thấp hơn 4 tuổi 11 tháng so với tuổi nghỉ hưu của năm 2021 nên đủ điều kiện về tuổi để hưởng chính sách về hưu trước tuổi quy định tại Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP về chính sách tinh giản biên chế.

7. Hỏi:

Kính hỏi Quý Bộ. Hiện tôi là cán bộ quản lý dự án thuộc đơn vị sự nghiệp và là chủ đầu tư các dự án trên địa bàn. Trước đây khi chuẩn bị triển khai thi công thì bên chủ đầu tư thực hiện dự án đó sẽ mua bảo hiểm rủi ro công trình xây dựng. Tuy nhiên, đơn vị thẩm tra, quyết toán hoàn thành dự án yêu cầu sau này các chi phí bảo hiểm rủi ro công trình xây dựng sẽ do nhà thầu thi công thực hiện mua cho dự án đã trúng thầu, không cho chủ đầu tư mua nữa. Vậy xin hỏi, về chi phí bảo hiểm rủi ro công trình xây dựng này sẽ do chủ đầu tư thực hiện mua cho dự án hay là nhà thầu thi công thực hiện và quy định nào về vấn đề trên?

Trả lời:

Bộ Xây dựng trả lời vấn đề này như sau:

Điểm e Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình quy định khoản mục chi phí bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng thuộc mục chi phí khác trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình.

Theo Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13/11/2015 của Chính phủ quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng, chủ đầu tư hoặc nhà thầu (trong trường hợp phí bảo hiểm công trình đã được tính vào giá hợp đồng) phải mua bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng đối với một số loại công trình.

Theo đó, đối với công trình thuộc đối tượng bắt buộc phải mua bảo hiểm thì việc mua bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng do chủ đầu tư thực hiện, trường hợp phí bảo hiểm công trình xây dựng được tính trong giá hợp đồng với nhà thầu thi công xây dựng thì việc mua bảo hiểm công trình do nhà thầu thực hiện phù hợp với nội dung hợp đồng đã ký kết và các quy định của pháp luật có liên quan.

8. Hỏi:

Tại Khoản 5 Điều 40 Luật Đầu tư công quy định: “Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và nhiệm vụ quy hoạch được quy định như sau:

- (a) Căn cứ nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và nhiệm vụ quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định, cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và nhiệm vụ quy hoạch lập dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch trình người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch UBND các cấp quyết định;
- (b) Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch UBND các cấp thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công tổ chức thẩm định dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch;
- (c) Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công thẩm định các nội dung dự toán theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, định mức kinh phí nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch;
- (d) Căn cứ ý kiến thẩm định, chủ đầu tư hoàn chỉnh dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch để người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch UBND các cấp phê duyệt dự toán”.

Tại Điều 10 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP quy định: “Thẩm định, phê duyệt chi phí chuẩn bị dự án:

- (1) Chi phí chuẩn bị dự án gồm chi phí để thực hiện các công việc: Khảo sát xây dựng; lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng, chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có); lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và các công việc cần thiết khác liên quan đến chuẩn bị dự án.
- (2) Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án hoặc chủ đầu tư (trong trường hợp đã xác định được chủ đầu tư) tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị dự án quy định tại Khoản 1 Điều này, trừ các trường hợp quy định tại Khoản 3, 4 Điều này.
- (3) Đối với dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn đầu tư công, việc lập, thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị dự án quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

(4) Đối với dự toán chi phí thuê tư vấn nước ngoài thực hiện công việc nêu tại Khoản 1 Điều này thì thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự toán thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 32 Nghị định này.

(5) Dự toán chi phí chuẩn bị dự án quy định tại Khoản 1 Điều này sau khi được phê duyệt được cập nhật vào tổng mức đầu tư xây dựng”.

Căn cứ các quy định nêu trên, tôi xin hỏi, cơ quan thẩm định dự toán chuẩn bị đầu tư đối với dự án có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều 40 của Luật Đầu tư công hay thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 10/2021/NĐ-CP?

Trả lời:

Bộ Xây dựng trả lời vấn đề này như sau:



Khoản 3 Điều 40 Luật Đầu tư công quy định, trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan, trừ dự án quan trọng quốc gia.

Do đó, đối với dự án có cấu phần xây dựng (trừ dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn đầu tư công) và pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng áp dụng cho dự án là Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/2/2021 của Chính phủ thì thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí các công việc chuẩn bị dự án được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định này.

9. Hỏi:

Kính gửi Bộ Tài chính, Tổng Công ty chúng tôi là Doanh nghiệp nhà nước, Chúng tôi có một Công ty con là DN cấp II theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP của Chính phủ về chuyển Doanh nghiệp nhà nước và Công ty TNHH MTV do DN nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần (“Doanh nghiệp cấp II”). Hiện tại, Chúng tôi muốn cổ phần hóa Công ty con này, nhưng sau khi nghiên cứu Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP. Chúng tôi vẫn chưa nắm rõ được quy trình, thủ tục. Vì thế, Chúng tôi có một số câu hỏi như sau:

Câu 1. Chủ thể có thẩm quyền quyết định cổ phần hóa Doanh nghiệp cấp II?

Câu 2. Chủ thể có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa Doanh nghiệp cấp II? (Doanh nghiệp cấp II này không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 45 Nghị định 126/2017/NĐ-CP)

Kính mong Bộ Tài chính hỗ trợ và giải đáp. Trân trọng cảm ơn./.

Trả lời:

Việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước (doanh nghiệp cấp I) và các Công ty TNHH MTV do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ (doanh nghiệp cấp II) thực hiện theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ. Cụ thể:

- Căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 2 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ.
- Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 45 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ.

Theo các quy định nêu trên thì:

- Thẩm quyền phê duyệt danh mục doanh nghiệp cấp II chuyển thành công ty cổ phần thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.
- Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 45 nêu trên thì Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch các doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch cổ phần hóa các doanh nghiệp cấp II theo danh mục doanh nghiệp cổ phần hóa đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (bao gồm cả phê duyệt phương án cổ phần hóa).

1. Công văn số: 10142/CTHN-TTHT ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc kê khai thuế TNDN của chi nhánh hạch toán phụ thuộc.

Trả lời công văn số 01/2021/TNDN đề ngày 03/3/2021 của Chi nhánh Công ty Luật TNHH Baker & McKenzie (Việt Nam) tại Hà Nội (sau đây gọi tắt là Công ty) hỏi về kê khai thuế TNDN của Chi nhánh hạch toán phụ thuộc, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.
- Căn cứ Điều 14 Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30/7/2020 của Bộ Tài chính.

Căn cứ các quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến sau:

Trường hợp Chi nhánh Công ty Luật TNHH Baker & McKenzie (Việt Nam) tại Hà Nội là đơn vị hạch toán phụ thuộc có trụ sở khác tỉnh, thành phố với trụ sở chính thì Chi nhánh thực hiện kê khai thuế TNDN tập trung tại cơ quan thuế quản lý trụ sở chính theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

Từ năm 2022, người nộp thuế phải nộp Bảng phân bổ số thuế phải nộp (nếu có) theo từng địa bàn cấp tỉnh nơi được hưởng nguồn thu ngân sách nhà nước cho cơ quan thuế quản lý trụ sở chính theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

2. Công văn số: 10143/CTHN-TTHT ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc xuất hóa đơn GTGT.

Trả lời công văn số 49/2021/CV-CNHN nhận ngày 17/3/2021 của Chi nhánh Công ty CP Việt Nam kỹ nghệ súc sản - Vissan Hà Nội (sau đây gọi tắt là Chi nhánh Công ty) về xuất hóa đơn, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế GTGT.

- Căn cứ Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về Thuế Giá trị gia tăng và quản lý Thuế tại nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của các nghị định về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài Chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

Căn cứ quy định nêu trên, Trường hợp Chi nhánh Công ty Công ty CP Việt Nam kỹ nghệ súc sản - Vissan Hà Nội chi tiền dịch vụ cho các khách hàng (là tổ chức, cá nhân kinh doanh) để thực hiện chương trình hỗ trợ bán hàng, hỗ trợ chăm sóc khách hàng, hỗ trợ vận chuyển, thưởng lũy tiền bán hàng khuyến mại (theo quy định của pháp luật về hoạt động

xúc tiến thương mại), tiếp thị, trưng bày sản phẩm cho Chi nhánh Công ty thì khi nhận tiền, trường hợp khách hàng (nhà phân phối) là người nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ lập hóa đơn GTGT và tính thuế GTGT theo thuế suất 10%, trường hợp khách hàng là người nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì sử dụng hóa đơn bán hàng và xác định số thuế phải nộp theo tỷ lệ (%) trên doanh thu theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 26/2015/TT-BTC.

Đề nghị Chi nhánh Công ty CP Việt Nam kỹ nghệ súc sản - Vissan Hà Nội căn cứ tình hình thực tế và đối chiếu với các quy định tại các văn bản pháp luật nêu trên để thực hiện đúng quy định.

3. Công văn số: 10146/CTHN-TTHT ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc chính sách thuế TNCN.

Ngày 23/02/2021, Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 06/2021 ngày 22/02/2021 của Công ty TNHH Sun Asterisk Việt Nam (sau đây gọi là Công ty) hỏi về chính sách thuế TNCN. Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế.

- Căn cứ Điều 2 Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính.

Căn cứ quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Trường hợp cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công trả từ nước ngoài thì cá nhân nộp hồ sơ khai thuế đến cơ quan thuế quản lý nơi cá nhân phát sinh công việc tại Việt Nam. Trường hợp nơi phát sinh công việc của cá nhân không ở tại Việt Nam thì cá nhân nộp hồ sơ khai thuế đến cơ quan thuế nơi cá nhân cư trú.

- Trường hợp cá nhân là người nước ngoài kết thúc hợp đồng làm việc tại Việt Nam thì khai quyết toán thuế với cơ quan thuế trước khi xuất cảnh. Trường hợp cá nhân chưa làm thủ tục quyết toán thuế với cơ quan thuế thì thực hiện ủy quyền cho tổ chức trả thu nhập hoặc tổ chức, cá nhân khác quyết toán thuế theo quy định về quyết toán thuế đối với cá nhân. Tổ chức chi trả thu nhập hoặc tổ chức, cá nhân khác nhận ủy quyền quyết toán thì phải chịu trách nhiệm về số thuế thu nhập cá nhân phải nộp thêm hoặc được hoàn trả số thuế nộp thừa của cá nhân. Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công là thời điểm tổ chức trả thu nhập cho người nộp thuế.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Công ty TNHH Sun Asterisk Việt Nam được biết và thực hiện./.

4. Công văn số 1037/TCT-CS ngày 9 tháng 4 năm 2021 của Tổng cục Thuế về vướng mắc trong việc xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

Doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện ưu đãi về địa bàn thì thu nhập được hưởng ưu đãi là thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh của dự án đầu tư trên địa bàn ưu đãi trừ các khoản thu nhập không được hưởng ưu đãi theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (như chuyển nhượng dự án, chuyển nhượng bất động sản, khai thác khoáng sản, sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt).

Theo công văn số 940/CT-TTHT ngày 10/12/2020 của Cục Thuế có trình bày: Công ty TNHH Khánh Vy là đơn vị hoạt động thương mại chỉ có thu nhập phát sinh ngoài địa bàn ưu đãi (chỉ mua hàng của Công ty TNHH SX TM&DV Hải Triều có địa chỉ tại thành phố Cà Mau và chỉ bán hàng cho Công ty TNHH TM&DV Ngân Phúc có địa chỉ tại thành phố Hồ Chí Minh) thì Tổng cục Thuế thống nhất với đề xuất của Cục Thuế, Công ty sẽ không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập phát sinh ngoài địa bàn ưu đãi.

5. Công văn số: 1039/TCT-CS ngày 9 tháng 4 năm 2021 của Tổng cục Thuế về hóa đơn thương mại từ nhà cung cấp nước ngoài.

- Tại Khoản 5 Điều 5 Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định về chứng từ kế toán:

“5. Các chứng từ kế toán ghi bằng tiếng nước ngoài khi sử dụng để ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính ở Việt Nam phải được dịch các nội dung chủ yếu quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật kế toán ra tiếng Việt. Đơn vị kế toán phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của nội dung chứng từ kế toán được dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt. Bản chứng từ kế toán dịch ra tiếng Việt phải đính kèm với bản chính bằng tiếng nước ngoài.

Các tài liệu kèm theo chứng từ kế toán bằng tiếng nước ngoài như các loại hợp đồng, hồ sơ kèm theo chứng từ thanh toán, hồ sơ dự án đầu tư, báo cáo quyết toán và các tài liệu liên quan khác của đơn vị kế toán không bắt buộc phải dịch ra tiếng Việt trừ khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Như vậy về hóa đơn, chứng từ để được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập tính thuế TNDN và sử dụng lưu giữ làm chứng từ kế toán đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên.

6. Công văn số: 10857/CTHN-TTHT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc viết tắt địa chỉ doanh nghiệp.

Trả lời công văn số MAS-HN/2021 ngày 24/3/2021 của Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) - chi nhánh Hà Nội hỏi về viết tắt địa chỉ doanh nghiệp, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

- Căn cứ Điểm b, Khoản 7, Điều 3 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính.

Vậy trong thời gian từ ngày Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 được ban hành đến ngày 30/6/2022, các Nghị định: số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ vẫn còn hiệu lực. Theo đó:

Trường hợp Chi nhánh Công ty có tên, địa chỉ trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp quá dài gây khó khăn trong việc hiển thị đầy đủ trên các hóa đơn đầu vào, hóa đơn đầu ra thì đơn vị được viết ngắn gọn một số danh từ thông dụng đảm bảo đúng, đầy đủ và phù hợp, đăng ký thuế của doanh nghiệp và vẫn xác định được đúng tên, địa chỉ của người mua và tên, địa chỉ của người bán; các tiêu thức khác trên hóa đơn vẫn đảm bảo đủ, đúng theo quy định thì được coi là hóa đơn hợp lệ để sử dụng kê khai, hạch toán.

7. Công văn số: 1085/TCT-QLN ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Tổng cục Thuế về gia hạn nộp thuế.

Nếu trường hợp Công ty TNHH Thép Trung Nguyên phải ngừng hoạt động do di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất, kinh doanh thì Công ty TNHH Thép Trung Nguyên thuộc trường hợp được gia hạn nộp thuế theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 của Luật số 21/2012/QH13) và điểm b khoản 1 Điều 62 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 nêu trên.

Tổng cục Thuế đề nghị Cục Thuế tỉnh Bình Thuận hướng dẫn Công ty làm việc với các cơ quan hữu quan để xác định lý do yêu cầu Công ty di dời nhà máy để lập đầy đủ thủ tục, hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 31 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính nêu trên gửi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế để được xem xét xử lý gia hạn nộp thuế theo quy định. Cục Thuế tỉnh Bình Thuận căn cứ theo Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh, đề án di dời, kế hoạch và tiến độ thực hiện di dời tại hồ sơ đề nghị gia hạn nộp thuế để phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền trên địa bàn theo dõi, cập nhật tiến độ thực hiện di dời, trường hợp Công ty TNHH Thép Trung nguyên không thực hiện di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh thì phải tính tiền chậm nộp trên số tiền thuế được gia hạn.

8. Công văn số: 1111/TCT-DNL ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Tổng cục Thuế về vướng mắc liên quan đến chi phí khấu hao và thuế GTGT.

Bộ Tài chính có công văn số 16661/BTC-QLCS ngày 08/12/2017 đề nghị Bảo hiểm xã hội Việt Nam phối hợp với Bộ Y tế chỉ đạo: "...các cơ quan đơn vị khám chữa bệnh không thực hiện mượn máy hoặc cho phép đặt máy, tránh tình trạng phụ thuộc vào đơn vị cho mượn máy, đặt máy để thực hiện bán vật tư, hóa chất..." và công văn số 6009/BTC-QLCS ngày 24/5/2018 gửi Bộ Y tế nêu: "Pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công không có quy định về việc cơ quan, tổ chức, đơn vị được "mượn" tài sản để sử dụng.

Theo báo cáo của Công ty, Công ty TNHH Roche Việt Nam là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực phân phối thiết bị y tế thuộc ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện Bên cạnh quyền và nghĩa vụ quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn, người nộp thuế còn có nghĩa vụ tuân thủ đúng các quy định pháp luật có liên quan.

Căn cứ các quy định trên, hình thức kinh doanh thuốc thử và đặt máy chẩn đoán cho cơ sở y tế công lập chưa được hệ thống pháp luật chuyên ngành trong lĩnh vực y tế và quản lý tài sản công quy định cụ thể. Do đó, việc Công ty đề nghị được khấu trừ thuế GTGT đầu vào và tính khấu hao tài sản cố định đối với các máy móc, thiết bị nói trên là chưa có cơ sở.

9. Công văn số: 11900/CTHN-TTHT ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc chính sách thuế TNCN đối với chuyên gia nước ngoài.

Trả lời công văn số 1603/2021/CV-HINODE ngày 16/03/2021 của Công ty CP Giáo dục và TM Quốc tế Hinode hỏi về chính sách thuế TNCN với người nước ngoài, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

- Căn cứ Điều 2 Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính Điều 1 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính.

- Căn cứ Điều 31 Thông tư số 205/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 của Bộ Tài chính.

- Căn cứ Điều 16 Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ.

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Công ty CP Giáo dục và TM Quốc tế Hinode có chuyên gia người Nhật Bản làm việc tại Việt Nam và chi phí tiền lương do Công ty góp vốn tại nước ngoài chi trả thì:

1. Trường hợp chuyên gia nước ngoài đáp ứng điều kiện là cá nhân cư trú trong năm tính thuế thì thu nhập chịu thuế TNCN

là thu nhập phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam, không phân biệt nơi trả thu nhập. Cá nhân thực hiện kê khai thuế TNCN theo Biểu thuế lũy tiến từng phần hướng dẫn tại khoản 7 Điều 26 Thông tư số 111/2013/TT-BTC và khoản 7 Điều 16 Thông tư 156/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Trường hợp chuyên gia nước ngoài đáp ứng điều kiện là cá nhân không cư trú trong năm tính thuế thì thu nhập chịu thuế TNCN là thu nhập phát sinh tại Việt Nam (không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập). Cá nhân thực hiện kê khai thuế theo thuế suất 20% hướng dẫn tại khoản 8 Điều 26 Thông tư số 111/2013/TT-BTC và khoản 8 Điều 16 Thông tư 156/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. Trường hợp chuyên gia nước ngoài đủ điều kiện miễn thuế TNCN theo quy định tại Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và Nhật Bản và Điều 31 Thông tư 205/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 của Bộ Tài chính thì chuyên gia nước ngoài phải lập hồ sơ miễn thuế, giảm thuế theo quy định tại khoản 13 Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời đề Công ty CP Giáo dục và TM Quốc tế Hinode được biết và thực hiện./.

10. Công văn số: 1164/TCT-CS ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Tổng cục Thuế về hóa đơn.

Theo trình bày của Cục Thuế thành phố Hà Nội trường hợp Chi nhánh Công ty TNHH Nippon Việt Nam đã đổi tên mới từ ngày 9/5/2019 trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có thêm nội dung "tại thành phố Hà Nội" so với tên cũ là "Chi nhánh Công ty TNHH Nippon (Việt Nam)" nhưng không thay đổi mã số thuế và cơ quan thuế quản lý. Chi nhánh Công ty chưa điều chỉnh thông tin trên hóa đơn và chưa gửi Thông báo phát hành đến cơ quan Thuế mà tiếp tục lập hóa đơn cho khách hàng theo tên cũ của Chi nhánh theo tên cũ trong thời gian từ 9/5/2019- 14/9/2020, nếu các nội dung khác trên hoá đơn đều ghi đúng (đúng mã số thuế, đảm bảo đầy đủ thông tin xác định được địa chỉ doanh nghiệp và hoá đơn được lập và giao cho người mua cổ gắn với nghiệp vụ kinh tế phát sinh) và đảm bảo thỏa mãn các điều kiện tại Khoản 3, Điểm 3, Thông tư số 32/2011/TT-BTC nêu trên thì cơ bản thống nhất với ý kiến xử lý của Cục Thuế thành phố Hà Nội. các hoá đơn này được sử dụng để kê khai thuế.

11. Công văn số: 1182/TCT-TTKT ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Tổng cục Thuế về việc kiến nghị xem xét không tính tiền chậm nộp đối với tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh tăng thêm qua thanh tra, kiểm tra theo quy định của Luật Đầu tư về đảm bảo ưu đãi đầu tư trong trường hợp thay đổi pháp luật.

Trường hợp Công ty TNHH Van Laack Asia đã được Cơ quan thuế thực hiện thanh tra, kiểm tra và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, tính các khoản tiền chậm nộp tiền thuế do doanh nghiệp mới chỉ khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức ưu đãi quy định tại giấy phép ưu đãi đầu tư, không thực hiện điều chỉnh mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo các điều kiện ưu đãi thuế mà thực tế doanh nghiệp đáp ứng theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế. Công ty TNHH Van Laack Asia đã có đơn khiếu nại với Cơ quan Thuế và khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội vào năm 2019, hiện nay Tòa án đã thụ lý vụ án và đang giải quyết đơn khởi kiện của Công ty TNHH Van Laack Asia. Theo đó nội dung kiến nghị nêu trên đang được giải quyết theo quy định tại Luật tố tụng hành chính.

12. Công văn số: 1201/TCT-CS ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế.

- Tại Điều 16 Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/06/2016 của Bộ Tài chính.

- Căn cứ khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 sửa đổi, bổ sung Điều 15 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.

- Căn cứ Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính.

- Căn cứ Điều 20 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý đối với hoá đơn đã lập.

Căn cứ quy định trên, theo nội dung trình bày tại công văn số 36/TTR- CT ngày 9/10/2020 của Cục Thuế, trường hợp Công ty TNHH SG Sagawa Việt Nam-Công ty nhận sáp nhập, nhận được các hóa đơn đầu vào mang tên, mã số thuế của Công ty TNHH SG Sagawa Express Việt Nam (SGEV) - Công ty bị sáp nhập và các Chi nhánh của Công ty TNHH SG Sagawa Express Việt Nam đã bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế thì đề nghị Công ty TNHH SG Sagawa Việt Nam liên hệ với người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ để thực hiện xử lý đối với hóa đơn đã lập điều chỉnh nội dung tên, mã số thuế người mua là SGV như đối với trường hợp lập hóa đơn có sai sót.

13. Công văn số: 13220/CTHN-TTHT ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc thuế GTGT với dịch vụ môi giới vận tải quốc tế.

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được Phiếu chuyển số 297/PC-TCT ngày 07/04/2021 của Tổng cục Thuế chuyển thư hỏi của độc giả Hoàng Phương Linh (mã câu hỏi: 050421-5; email: linh.hoang.vn@icloud.com; điện thoại: 0983176384; địa chỉ: 6/20/45 Nguyễn Hồng, Hà Nội) (sau đây gọi là “Độc giả”) hỏi về chính sách thuế qua Cổng thông tin điện tử - Bộ Tài chính. Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ.
- Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Thông tư 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính.
- Căn cứ Khoản 7 Điều 3 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính.
- Căn cứ Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính.

Căn cứ các quy định trên, Công ty của độc giả cung cấp dịch vụ môi giới vận tải biển quốc tế để vận chuyển hàng hóa bằng tàu biển từ cảng ở Việt Nam đến cảng nước ngoài thì:

- Trường hợp cung cấp dịch vụ cho khách hàng là Công ty nước ngoài thì áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng

quy định tại Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính và không thuộc các trường hợp không áp dụng thuế suất 0% được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính. Công ty sử dụng hóa đơn thương mại theo quy định tại Khoản 7 Điều 3 Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính.

- Trường hợp cung cấp dịch vụ cho khách hàng là Công ty của Việt Nam thì áp dụng thuế suất thuế GTGT 10% và lập hóa đơn cho người mua theo quy định tại Khoản 7 Điều 3 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính.

Trong quá trình thực hiện, nếu còn vướng mắc, đề nghị độc giả liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được giải đáp cụ thể.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời đề Cổng thông tin điện tử - Bộ Tài chính được biết và hướng dẫn độc giả thực hiện./.



KIẾN THỨC PHÁP LUẬT

- 23 Cách xác định giá tính thuế giá trị gia tăng 2021 mới nhất.
- 31 7 trường hợp không phải khai, nộp thuế giá trị gia tăng 2021.
- 35 Cách tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu 2021.



I. Cách xác định giá tính thuế giá trị gia tăng 2021 mới nhất.

Để tính được số thuế phải nộp cần xác định được giá tính thuế GTGT và thuế suất. Với mỗi loại hàng hóa, dịch vụ sẽ có giá tính thuế GTGT khác nhau.

Căn cứ Điều 7 Thông tư 219/2013/TT-BTC (một số nội dung được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 119/2014/TT-BTC và Thông tư 26/2015/TT-BTC), giá tính thuế giá trị gia tăng được xác định như sau:

1. Hàng hóa, dịch vụ do cơ sở sản xuất, kinh doanh bán ra; hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt

Đối với hàng hóa, dịch vụ do cơ sở sản xuất, kinh doanh bán ra là giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng. Đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng.

Đối với hàng hóa chịu thuế bảo vệ môi trường là giá bán đã có thuế bảo vệ môi trường nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng; đối với hàng hóa vừa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, vừa chịu thuế bảo vệ môi trường là giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng.

2. Hàng hóa nhập khẩu là giá nhập tại cửa khẩu.

Đối với hàng hóa nhập khẩu là giá nhập tại cửa khẩu cộng (+) với thuế nhập khẩu (nếu có), cộng (+) với thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), cộng (+) với thuế bảo vệ môi trường (nếu có). Giá nhập tại cửa khẩu được xác định theo quy định về giá tính thuế hàng nhập khẩu.

Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được miễn, giảm thuế nhập khẩu thì giá tính thuế giá trị gia tăng là giá nhập khẩu cộng (+) với thuế nhập khẩu xác định theo mức thuế phải nộp sau khi đã được miễn, giảm.

3. Sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, biếu, tặng, cho, trả thay lương

Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ (kể cả mua ngoài hoặc do cơ sở kinh doanh tự sản xuất) dùng để trao đổi, biếu, tặng, cho, trả thay lương, là giá tính thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này.

Ví dụ: Đơn vị A sản xuất quạt điện, dùng 50 sản phẩm quạt để trao đổi với cơ sở B lấy sắt thép, giá bán (chưa có thuế) là 400.000 đồng/chiếc. Giá tính thuế giá trị gia tăng là $50 \times 400.000 \text{ đồng} = 20 \text{ triệu đồng}$.

Riêng biếu, tặng giấy mời (trên giấy mời ghi rõ không thu tiền) xem các cuộc biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, thi người đẹp và người mẫu, thi đấu thể thao do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định của pháp luật thì giá tính thuế được xác định bằng 0.

I. Cách xác định giá tính thuế giá trị gia tăng 2021 mới nhất.

4. Sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng nội bộ

Hàng hóa luân chuyển nội bộ như hàng hóa được xuất để chuyển kho nội bộ, xuất vật tư, bán thành phẩm, để tiếp tục quá trình sản xuất trong một cơ sở sản xuất, kinh doanh hoặc hàng hóa, dịch vụ do cơ sở kinh doanh xuất hoặc cung ứng sử dụng phục vụ hoạt động kinh doanh thì không phải tính, nộp thuế giá trị gia tăng.

Trường hợp cơ sở kinh doanh tự sản xuất, xây dựng tài sản cố định (tự làm) để phục vụ sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng thì khi hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao, cơ sở kinh doanh không phải lập hóa đơn. Thuế giá trị gia tăng đầu vào hình thành nên tài sản cố định tự làm được kê khai, khấu trừ theo quy định.

Trường hợp xuất máy móc, thiết bị, vật tư, hàng hóa dưới hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả, nếu có hợp đồng và các chứng từ liên quan đến giao dịch phù hợp, cơ sở kinh doanh không phải lập hóa đơn, tính, nộp thuế GTGT.

Riêng đối với cơ sở kinh doanh có sử dụng hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng nội bộ, luân chuyển nội bộ phục vụ cho sản xuất kinh doanh như vận tải, hàng không, đường sắt, bưu chính viễn thông không phải tính thuế giá trị gia tăng đầu ra, cơ sở kinh doanh phải có văn bản quy định rõ đối tượng và mức khống chế hàng hóa dịch vụ sử dụng nội bộ theo thẩm quyền quy định.

5. Sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại theo quy định pháp luật về thương mại.

Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại theo quy định của pháp luật về thương mại, giá tính thuế được xác định bằng 0; trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại nhưng không thực hiện theo quy định của pháp luật về thương mại thì phải kê khai, tính nộp thuế như hàng hóa, dịch vụ dùng để tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho.

Một số hình thức khuyến mại cụ thể được thực hiện như sau:

- Đối với hình thức khuyến mại đưa hàng mẫu, cung ứng dịch vụ mẫu để khách hàng dùng thử không phải trả tiền, tặng hàng hóa cho khách hàng, cung ứng dịch vụ không thu tiền thì giá tính thuế đối với hàng mẫu, dịch vụ mẫu được xác định bằng 0.

- Đối với hình thức bán hàng, cung ứng dịch vụ với giá thấp hơn giá bán hàng, dịch vụ trước đó thì giá tính thuế giá trị gia tăng là giá bán đã giảm áp dụng trong thời gian khuyến mại đã đăng ký hoặc thông báo.

- Đối với các hình thức khuyến mại bán hàng, cung ứng dịch vụ có kèm theo phiếu mua hàng, phiếu sử dụng dịch vụ thì không phải kê khai, tính thuế giá trị gia tăng đối với phiếu mua hàng, phiếu sử dụng dịch vụ tặng kèm.

I. Cách xác định giá tính thuế giá trị gia tăng 2021 mới nhất.

6. Hoạt động cho thuê tài sản

Đối với hoạt động cho thuê tài sản như cho thuê nhà, văn phòng, xưởng, kho tàng, bến, bãi, phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị là số tiền cho thuê chưa có thuế giá trị gia tăng.

Trường hợp cho thuê theo hình thức trả tiền thuê từng kỳ hoặc trả trước tiền thuê cho một thời hạn thuê thì giá tính thuế là tiền cho thuê trả từng kỳ hoặc trả trước cho thời hạn thuê chưa có thuế giá trị gia tăng.

Giá cho thuê tài sản do các bên thỏa thuận được xác định theo hợp đồng. Trường hợp pháp luật có quy định về khung giá thuê thì giá thuê được xác định trong phạm vi khung giá quy định.

7. Hàng hóa bán theo phương thức trả góp, trả chậm

Đối với hàng hóa bán theo phương thức trả góp, trả chậm là giá tính theo giá bán trả một lần chưa có thuế giá trị gia tăng của hàng hóa đó, không bao gồm khoản lãi trả góp, lãi trả chậm.

Ví dụ: Công ty kinh doanh xe máy bán xe X loại 100 cc, giá bán trả góp chưa có thuế GTGT là 25,5 triệu đồng/chiếc (trong đó giá bán xe là 25 triệu đồng, lãi trả góp là 0,5 triệu đồng) thì giá tính thuế giá trị gia tăng là 25 triệu đồng.

8. Đối với gia công hàng hóa

Đối với gia công hàng hóa là giá gia công theo hợp đồng gia công chưa có thuế giá trị gia tăng, bao gồm cả tiền công, chi phí về nhiên liệu, động lực, vật liệu phụ và chi phí khác phục vụ cho việc gia công hàng hóa.

9. Đối với xây dựng, lắp đặt

Đối với xây dựng, lắp đặt, là giá trị, hạng mục công trình hay phần việc thực hiện bàn giao chưa có thuế GTGT.

- Trường hợp xây dựng, lắp đặt có bao thầu nguyên vật liệu là giá xây dựng, lắp đặt bao gồm cả giá trị nguyên vật liệu chưa có thuế giá trị gia tăng.

- Trường hợp xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, giá tính thuế là giá trị xây dựng, lắp đặt không bao gồm giá trị nguyên vật liệu và máy móc, thiết bị chưa có thuế giá trị gia tăng.

- Trường hợp xây dựng, lắp đặt thực hiện thanh toán theo hạng mục công trình hoặc giá trị khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành bàn giao là giá tính theo giá trị hạng mục công trình hoặc giá trị khối lượng công việc hoàn thành bàn giao chưa có thuế giá trị gia tăng.

I. Cách xác định giá tính thuế giá trị gia tăng 2021 mới nhất.

10. Hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, giá tính thuế là giá chuyển nhượng bất động sản trừ (-) giá đất được trừ để tính thuế GTGT. Giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng được quy định cụ thể như sau:

TT	Trường hợp cụ thể
1	Trường hợp được Nhà nước giao đất để đầu tư cơ sở hạ tầng xây dựng nhà để bán, giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng bao gồm tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước (không kể tiền sử dụng đất được miễn, giảm) và chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định pháp luật.
2	Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất của Nhà nước, giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá đất trúng đấu giá.
3	Nếu thuê đất để đầu tư cơ sở hạ tầng để cho thuê, xây dựng nhà để bán, giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước (không bao gồm tiền thuê đất được miễn, giảm) và chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng theo quy định pháp luật. Riêng trường hợp thuê đất xây dựng nhà để bán, kể từ ngày 01/7/2014 thực hiện theo quy định Luật Đất đai 2013.
4	Cơ sở kinh doanh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất bao gồm cả giá trị cơ sở hạ tầng (nếu có); cơ sở kinh doanh không được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của cơ sở hạ tầng đã tính trong giá trị quyền sử dụng đất được trừ không chịu thuế giá trị gia tăng. Nếu giá đất được trừ không bao gồm giá trị cơ sở hạ tầng thì cơ sở kinh doanh được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của cơ sở hạ tầng chưa tính trong giá trị quyền sử dụng đất được trừ không chịu thuế giá trị gia tăng. Trường hợp không xác định được giá đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá đất do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại thời điểm ký hợp đồng nhận chuyển nhượng.
5	Cơ sở kinh doanh bất động sản thực hiện theo hình thức xây dựng - chuyển giao (BT) thanh toán bằng giá trị quyền sử dụng đất thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá tại thời điểm ký hợp đồng BT theo quy định của pháp luật; nếu tại thời điểm ký hợp đồng BT chưa xác định được giá thì giá đất được trừ là giá để thanh toán công trình do UBND cấp tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

I. Cách xác định giá tính thuế giá trị gia tăng 2021 mới nhất.

TT	Trường hợp cụ thể
6	Doanh nghiệp kinh doanh bất động sản có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp của người dân theo hợp đồng chuyển nhượng, sau đó được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng sang thành đất ở để xây dựng chung cư, nhà ở... để bán thì giá đất được trừ khi tính thuế giá trị gia tăng là giá đất nông nghiệp nhận chuyển nhượng từ người dân và các chi phí khác bao gồm: Khoản tiền sử dụng đất nộp ngân sách nhà nước để chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở, thuế thu nhập cá nhân nộp thay người dân có đất chuyển nhượng (nếu các bên có thỏa thuận doanh nghiệp kinh doanh bất động sản nộp thay).
7	Trường hợp xây dựng nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư để bán thì giá đất được trừ tính cho 1m ² nhà để bán được xác định bằng giá đất được từ thứ tự 1 đến 6 nêu trên chia (:) số m ² sàn xây dựng không bao gồm diện tích dùng chung như hành lang, cầu thang, tầng hầm, công trình xây dựng dưới mặt đất.
8	Cơ sở kinh doanh nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá ghi trong hợp đồng góp vốn. Trường hợp giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thấp hơn giá đất nhận góp vốn thì chỉ được trừ giá đất theo giá chuyển nhượng.
9	Trường hợp cơ sở kinh doanh bất động sản ký hợp đồng với hộ gia đình, cá nhân có đất nông nghiệp để hoán đổi đất nông nghiệp thành đất ở, việc hoán đổi này phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai thì khi giao đất ở cho các hộ gia đình, cá nhân, giá tính thuế giá trị gia tăng là giá chuyển nhượng trừ (-) giá đất được trừ theo quy định. Giá chuyển nhượng là giá đền bù tương ứng với diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi theo phương án do cơ quan chức năng phê duyệt.

- Trường hợp xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, chuyển nhượng hoặc cho thuê, giá tính thuế giá trị gia tăng là số tiền thu được theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng trừ (-) giá đất được trừ tương ứng với tỷ lệ % số tiền thu được trên tổng giá trị hợp đồng.

11. Hoạt động đại lý, môi giới mua bán hàng hóa và dịch vụ, ủy thác xuất nhập khẩu hưởng tiền công hoặc tiền hoa hồng

I. Cách xác định giá tính thuế giá trị gia tăng 2021 mới nhất.

Đối với hoạt động đại lý, môi giới mua bán hàng hóa và dịch vụ, ủy thác xuất nhập khẩu hưởng tiền công hoặc tiền hoa hồng, giá tính thuế là tiền công, tiền hoa hồng thu được từ các hoạt động này chưa có thuế giá trị gia tăng.

12. Hàng hóa, dịch vụ được sử dụng chứng từ thanh toán ghi giá thanh toán là giá đã có thuế giá trị gia tăng như tem, vé cước vận tải, vé xổ số kiến thiết.

Giá chưa có thuế được xác định như sau:

$$\text{Giá chưa có thuế giá trị gia tăng} = \frac{\text{Giá thanh toán (tiền bán vé, bán tem...)}}{1 + \text{thuế suất của hàng hóa, dịch vụ (\%)}}$$

13. Đối với điện của các nhà máy thủy điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Đối với điện của các nhà máy thủy điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, bao gồm cả điện của nhà máy thủy điện hạch toán phụ thuộc các tổng công ty phát điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Giá tính thuế giá trị gia tăng để xác định số thuế giá trị gia tăng nộp tại địa phương nơi có nhà máy được tính bằng 60% giá bán điện thương phẩm bình quân năm trước, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Trường hợp chưa xác định được giá bán điện thương phẩm bình quân năm trước thì theo giá tạm tính của Tập đoàn thông báo nhưng không thấp hơn giá bán điện thương phẩm bình quân của năm trước liền kề.

Khi xác định được giá bán điện thương phẩm bình quân năm trước thì kê khai điều chỉnh chênh lệch vào kỳ kê khai của tháng đã có giá chính thức. Việc xác định giá bán điện thương phẩm bình quân năm trước chậm nhất không quá ngày 31/3 của năm sau.

14. Dịch vụ casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược

Đối với dịch vụ casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược, là số tiền thu từ hoạt động này đã bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt trừ số tiền đã trả thưởng cho khách.

Giá tính thuế được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá tính thuế} = \frac{\text{Số tiền thu được}}{1 + \text{thuế suất}}$$

I. Cách xác định giá tính thuế giá trị gia tăng 2021 mới nhất.

15. Đối với vận tải, bốc xếp

Đối với vận tải, bốc xếp là giá cước vận tải, bốc xếp chưa có thuế giá trị gia tăng, không phân biệt cơ sở trực tiếp vận tải, bốc xếp hay thuê lại.

16. Dịch vụ du lịch

Đối với dịch vụ du lịch theo hình thức lữ hành, hợp đồng ký với khách hàng theo giá trọn gói (ăn, ở, đi lại) thì giá trọn gói được xác định là giá đã có thuế giá trị gia tăng. Giá tính thuế được xác định theo công thức sau:

$$\text{Giá tính thuế} = \frac{\text{Giá trọn gói}}{1 + \text{thuế suất}}$$

Trường hợp giá trọn gói bao gồm cả các khoản chi vé máy bay vận chuyển khách du lịch từ nước ngoài vào Việt Nam, từ Việt Nam đi nước ngoài, các chi phí ăn, nghỉ, thăm quan và một số khoản chi ở nước ngoài khác (nếu có chứng từ hợp pháp) thì các khoản thu của khách hàng để chi cho các khoản trên được tính giảm trừ trong giá (doanh thu) tính thuế giá trị gia tăng. Thuế giá trị gia tăng đầu vào phục vụ hoạt động du lịch trọn gói được kê khai, khấu trừ toàn bộ theo quy định.

17. Dịch vụ cầm đồ, số tiền phải thu từ dịch vụ cầm đồ

Đối với dịch vụ cầm đồ, số tiền phải thu từ dịch vụ này bao gồm tiền lãi phải thu từ cho vay cầm đồ và khoản thu khác phát sinh từ việc bán hàng cầm đồ (nếu có) được xác định là giá đã có thuế giá trị gia tăng. Giá tính thuế được xác định theo công thức sau:

$$\text{Giá tính thuế} = \frac{\text{Số tiền phải thu}}{1 + \text{thuế suất}}$$

18. Sách chịu thuế giá trị gia tăng

Đối với sách chịu thuế giá trị gia tăng bán theo đúng giá phát hành (giá bìa) theo quy định của Luật Xuất bản thì giá bán đó được xác định là giá đã có thuế giá trị gia tăng để tính thuế giá trị gia tăng và doanh thu của cơ sở. Các trường hợp bán không theo giá bìa thì thuế giá trị gia tăng tính trên giá bán ra.

I. Cách xác định giá tính thuế giá trị gia tăng 2021 mới nhất.

19. Hoạt động in

Giá tính thuế là tiền công in. Trường hợp cơ sở in thực hiện các hợp đồng in, giá thanh toán bao gồm cả tiền công in và tiền giấy in thì giá tính thuế bao gồm cả tiền giấy.

20. Dịch vụ đại lý giám định, đại lý xét bồi thường, đại lý đòi người thứ ba bồi hoàn, đại lý xử lý hàng bồi thường 100% hưởng tiền công hoặc tiền hoa hồng

Giá tính thuế giá trị gia tăng là tiền công hoặc tiền hoa hồng được hưởng (chưa trừ một khoản phí tổn nào) mà doanh nghiệp bảo hiểm thu được, chưa có thuế giá trị gia tăng.

21. Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh tại Việt Nam mua dịch vụ (kể cả mua dịch vụ gắn với hàng hóa) của tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, cá nhân ở nước ngoài là đối tượng không cư trú tại Việt Nam thì tổ chức, cá nhân mua dịch vụ là người nộp thuế, trừ trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế

Giá tính thuế là giá thanh toán ghi trong hợp đồng mua dịch vụ chưa có thuế giá trị gia tăng.

Lưu ý: Giá tính thuế đối với các loại hàng hóa, dịch vụ trong tất cả các trường hợp trên (21 trường hợp trên) bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá hàng hóa, dịch vụ mà cơ sở kinh doanh được hưởng.

Trường hợp cơ sở kinh doanh áp dụng hình thức chiết khấu thương mại dành cho khách hàng (nếu có) thì giá tính thuế giá trị gia tăng là giá bán đã chiết khấu thương mại dành cho khách hàng.

Trường hợp việc chiết khấu thương mại căn cứ vào số lượng, doanh số hàng hóa, dịch vụ thì số tiền chiết khấu của hàng hóa đã bán được tính điều chỉnh trên hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau.

Trường hợp số tiền chiết khấu được lập khi kết thúc chương trình (kỳ) chiết khấu hàng bán thì được lập hóa đơn điều chỉnh kèm bảng kê các số hóa đơn cần điều chỉnh, số tiền, tiền thuế điều chỉnh. Căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh, bên bán và bên mua kê khai điều chỉnh doanh thu mua, bán, thuế đầu ra, đầu vào.

Giá tính thuế được xác định bằng đồng Việt Nam. Trường hợp người nộp thuế có doanh thu bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm phát sinh doanh thu để xác định giá tính thuế.

Trên đây là các xác định giá tính thuế giá trị gia tăng để tính được số thuế giá trị gia tăng phải nộp.

II. 7 trường hợp không phải khai, nộp thuế giá trị gia tăng 2021.

Không phải khai nộp thuế giá trị gia tăng là một trong những vấn đề mà doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh khác rất quan tâm, vì sẽ giúp kế toán không phải kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng.

Căn cứ Điều 5 Thông tư 219/2013/TT-BTC (một số điểm được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 119/2014/TT-BTC và Thông tư 193/2015/TT-BTC), các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng gồm:

Trường hợp 1: Tổ chức, cá nhân nhận các khoản thu về bồi thường bằng tiền (bao gồm cả tiền bồi thường về đất và tài sản trên đất khi bị thu hồi đất theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền), tiền thưởng, tiền hỗ trợ, tiền chuyển nhượng quyền phát thải và các khoản thu tài chính khác.

Cơ sở kinh doanh khi nhận khoản tiền thu về bồi thường, tiền thưởng, tiền hỗ trợ nhận được, tiền chuyển nhượng quyền phát thải và các khoản thu tài chính khác thì lập chứng từ thu theo quy định. Đối với cơ sở kinh doanh chi tiền, căn cứ mục đích chi để lập chứng từ chi tiền.

Trường hợp bồi thường bằng hàng hóa, dịch vụ, cơ sở bồi thường phải lập hóa đơn và kê khai, tính, nộp thuế giá trị gia tăng như đối với bán hàng hóa, dịch vụ; cơ sở nhận bồi thường kê khai, khấu trừ theo quy định.

Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận tiền của tổ chức, cá nhân để thực hiện dịch vụ cho tổ chức, cá nhân như sửa chữa, bảo hành, khuyến mại, quảng cáo thì phải kê khai, nộp thuế theo quy định.

Ví dụ: Doanh nghiệp B nhận được khoản bồi thường thiệt hại do bị hủy hợp đồng từ doanh nghiệp A là 50 triệu đồng thì doanh nghiệp B lập chứng từ thu và không phải kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng đối với khoản tiền trên.

Trường hợp 2: Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam mua dịch vụ của tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, cá nhân ở nước ngoài là đối tượng không cư trú tại Việt Nam, bao gồm các trường hợp:

- Sửa chữa phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị (bao gồm cả vật tư, phụ tùng thay thế);
- Quảng cáo, tiếp thị;
- Xúc tiến đầu tư và thương mại;
- Môi giới bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ ra nước ngoài;
- Đào tạo;
- Chia cước dịch vụ bưu chính, viễn thông quốc tế giữa Việt Nam với nước ngoài mà các dịch vụ này được thực hiện ở ngoài Việt Nam, dịch vụ thuê đường truyền dẫn và băng tần vệ tinh của nước ngoài theo quy định của pháp luật.

II. 7 trường hợp không phải khai, nộp thuế giá trị gia tăng 2021.

Trường hợp 3: Tổ chức, cá nhân không kinh doanh, không phải là người nộp thuế giá trị gia tăng bán tài sản.

Ví dụ: Ông A là cá nhân không kinh doanh bán 01 ô tô 4 chỗ ngồi cho ông B với giá là 600 triệu đồng thì ông A không phải kê khai, tính thuế giá trị gia tăng đối với số tiền bán ô tô thu được.

Trường hợp 4: Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng dự án đầu tư để sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, hợp tác xã.

Ví dụ: Công ty cổ phần P thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất cồn công nghiệp. Đến tháng 3/2014, dự án đầu tư đã hoàn thành được 90% so với đề án thiết kế và giá trị đầu tư là 26 tỷ đồng. Do gặp khó khăn về tài chính, Công ty cổ phần P quyết định chuyển nhượng toàn bộ dự án đang đầu tư cho Công ty cổ phần X với giá chuyển nhượng là 28 tỷ đồng. Công ty cổ phần X nhận chuyển nhượng dự án đầu tư trên để tiếp tục sản xuất cồn công nghiệp. Công ty cổ phần P không phải kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng đối với giá trị dự án chuyển nhượng cho Công ty cổ phần X.

Trường hợp 5: Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ bán sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường cho doanh nghiệp, hợp tác xã ở khâu kinh doanh thương mại không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng. Trên hóa đơn giá trị gia tăng, ghi dòng giá bán là giá không có thuế giá trị gia tăng, dòng thuế suất và thuế giá trị gia tăng không ghi, gạch bỏ.

Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ bán sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường cho các đối tượng khác như hộ, cá nhân kinh doanh và các tổ chức, cá nhân khác thì phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng theo mức thuế suất 5%.

Hộ, cá nhân kinh doanh, doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức kinh tế khác nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng khi bán sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường ở khâu kinh doanh thương mại thì kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng theo tỷ lệ 1% trên doanh thu.

Ví dụ: Hộ ông X sau khi thu mua lá chè của hộ trồng chè đã bán ra cho hộ ông Y thì hộ ông X phải tính, nộp thuế giá trị gia tăng theo tỷ lệ 1% trên doanh thu bán lá chè cho hộ ông Y.

Trường hợp sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã đã lập hóa đơn, kê khai, tính thuế giá trị gia tăng thì người bán và người mua phải điều chỉnh hóa đơn để không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng theo hướng dẫn tại khoản này.

II. 7 trường hợp không phải khai, nộp thuế giá trị gia tăng 2021.

Trường hợp 6: Tài sản cố định đang sử dụng, đã thực hiện trích khấu hao khi điều chuyển theo giá trị ghi trên sổ sách kế toán giữa cơ sở kinh doanh và các đơn vị thành viên do một cơ sở kinh doanh sở hữu 100% vốn hoặc giữa các đơn vị thành viên do một cơ sở kinh doanh sở hữu 100% vốn để phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng thì không phải lập hóa đơn và kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng. Cơ sở kinh doanh có tài sản cố định điều chuyển phải có Quyết định hoặc Lệnh điều chuyển tài sản kèm theo bộ hồ sơ nguồn gốc tài sản.

Trường hợp tài sản cố định khi điều chuyển đã thực hiện đánh giá lại giá trị tài sản hoặc điều chuyển cho cơ sở sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng thì phải lập hóa đơn giá trị gia tăng, kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định.

Trường hợp 7: Một số trường hợp khác

Cơ sở kinh doanh không phải kê khai, nộp thuế trong các trường hợp sau:

- Góp vốn bằng tài sản để thành lập doanh nghiệp. Tài sản góp vốn vào doanh nghiệp phải có: Biên bản góp vốn sản xuất kinh doanh, hợp đồng liên doanh, liên kết; biên bản định giá tài sản của Hội đồng giao nhận vốn góp của các bên góp vốn (hoặc văn bản định giá của tổ chức có chức năng định giá theo quy định của pháp luật), kèm theo bộ hồ sơ về nguồn gốc tài sản.

- Điều chuyển tài sản giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc trong doanh nghiệp; điều chuyển tài sản khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp. Tài sản điều chuyển giữa các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc trong cơ sở kinh doanh; tài sản điều chuyển khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thì cơ sở kinh doanh có tài sản điều chuyển phải có lệnh điều chuyển tài sản, kèm theo bộ hồ sơ nguồn gốc tài sản và không phải xuất hóa đơn.

Trường hợp tài sản điều chuyển giữa các đơn vị hạch toán độc lập hoặc giữa các đơn vị thành viên có tư cách pháp nhân đầy đủ trong cùng một cơ sở kinh doanh thì cơ sở kinh doanh có tài sản điều chuyển phải xuất hóa đơn giá trị gia tăng và kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định, trừ trường hợp hướng dẫn tại trường hợp 6.

- Thu đòi người thứ ba (3) của hoạt động bảo hiểm.

- Các khoản thu hộ không liên quan đến việc bán hàng hóa, dịch vụ của cơ sở kinh doanh.

- Doanh thu hàng hóa, dịch vụ nhận bán đại lý và doanh thu hoa hồng được hưởng từ hoạt động đại lý bán đúng giá quy định của bên giao đại lý hưởng hoa hồng của dịch vụ:

II. 7 trường hợp không phải khai, nộp thuế giá trị gia tăng 2021.

- + Buру chính, viễn thông, bán vé xổ số, vé máy bay, ô tô, tàu hoả, tàu thủy;
 - + Đại lý vận tải quốc tế;
 - + Đại lý của các dịch vụ ngành hàng không, hàng hải mà được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0%;
 - + Đại lý bán bảo hiểm.
 - Doanh thu hàng hóa, dịch vụ và doanh thu hoa hồng đại lý được hưởng từ hoạt động đại lý bán hàng hóa, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng.
 - Tổ chức, doanh nghiệp nhận các khoản thù lao từ cơ quan nhà nước do thực hiện hoạt động thu hộ, chi hộ các cơ quan nhà nước.
- Thù lao thu hộ, chi hộ các cơ quan nhà nước không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng quy định tại điểm này là các khoản thù lao nhận được từ hoạt động:
- + Thu bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế tự nguyện cho cơ quan Bảo hiểm xã hội;
 - + Chi trả trợ cấp ưu đãi cho người có công, trợ cấp khác cho Bộ Lao động và thương binh xã hội;
 - + Thu thuế của hộ cá nhân cho cơ quan thuế và các khoản thu hộ, chi hộ khác cho cơ quan nhà nước.
 - Cơ sở kinh doanh không phải nộp thuế giá trị gia tăng khâu nhập khẩu trong trường hợp nhập khẩu hàng hóa đã xuất khẩu nhưng bị phía nước ngoài trả lại. Khi cơ sở kinh doanh bán hàng hóa bị trả lại này trong nội địa thì phải kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định.

Trên đây là những trường hợp không phải khai nộp thuế giá trị gia tăng.

III. Cách tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu 2021.

Tùy thuộc vào từng đối tượng khác nhau mà cơ sở kinh doanh tính thuế giá trị gia tăng theo những phương pháp nhất định. Dưới đây là cách tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu mới nhất.

1. Đối tượng áp dụng phương pháp trực tiếp trên doanh thu

Căn cứ khoản 2 Điều 13 Thông tư 219/2013/TT-BTC, phương pháp tính thuế giá trị gia tăng trực tiếp trên doanh thu áp dụng đối với các đối tượng sau:

TT	Đối tượng áp dụng
1	Doanh nghiệp, hợp tác xã đang hoạt động có doanh thu hàng năm dưới mức ngưỡng doanh thu 01 tỷ đồng, trừ trường hợp đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế.
2	Doanh nghiệp, hợp tác xã mới thành lập, trừ trường hợp đăng ký tự nguyện theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 12 Thông tư 219/2013/TT-BTC
3	Hộ, cá nhân kinh doanh
4	Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Đầu tư và các tổ chức khác không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật, trừ các tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hóa, dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển và khai thác dầu khí.
5	Tổ chức kinh tế khác không phải là doanh nghiệp, hợp tác xã, trừ trường hợp đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

2. Tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu

Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu được xác định theo công thức sau:

Thuế giá trị gia tăng phải nộp = Doanh thu x Tỷ lệ %

Căn cứ công thức trên, để tính được số thuế giá trị gia tăng phải nộp cần biết được 02 thông tin sau:

III. Cách tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu 2021.

- Doanh thu để tính thuế giá trị gia tăng;
- Tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng trên doanh thu (mức nộp).

Cụ thể:

2.1. Doanh thu để tính thuế giá trị gia tăng

Doanh thu để tính thuế giá trị gia tăng là tổng số tiền bán hàng hóa, dịch vụ thực tế ghi trên hóa đơn bán hàng đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng bao gồm các khoản phụ thu, phí thu thêm mà cơ sở kinh doanh được hưởng.

Trường hợp cơ sở kinh doanh có doanh thu bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng và doanh thu hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu thì không áp dụng tỷ lệ (%) trên doanh thu đối với doanh thu này.

Ví dụ: Công ty TNHH B là doanh nghiệp kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp. Công ty TNHH B có doanh thu phát sinh từ hoạt động bán phần mềm máy tính và dịch vụ tư vấn thành lập doanh nghiệp thì Công ty TNHH B không phải nộp thuế giá trị gia tăng theo tỷ lệ (%) trên doanh thu từ hoạt động bán phần mềm máy tính (do phần mềm máy tính thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng) và phải kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo tỷ lệ 5% trên doanh thu từ dịch vụ tư vấn thành lập doanh nghiệp.

Cơ sở kinh doanh nhiều ngành nghề có mức tỷ lệ khác nhau phải khai thuế giá trị gia tăng theo từng nhóm ngành nghề tương ứng với các mức tỷ lệ theo quy định; trường hợp người nộp thuế không xác định được doanh thu theo từng nhóm ngành nghề hoặc trong một hợp đồng kinh doanh trọn gói bao gồm các hoạt động tại nhiều nhóm tỷ lệ khác nhau mà không tách được thì sẽ áp dụng mức tỷ lệ cao nhất của nhóm ngành nghề mà cơ sở sản xuất, kinh doanh.

2.2. Tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng trên doanh thu

III. Cách tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu 2021.

TT	Hoạt động cụ thể	Tỷ lệ %
1	Hoạt động bán buôn, bán lẻ các loại hàng hóa (trừ giá trị hàng hóa đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng)	1%
2	Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu, gồm: - Dịch vụ lưu trú, kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, nhà trọ; - Dịch vụ cho thuê nhà, đất, cửa hàng, nhà xưởng, cho thuê tài sản và đồ dùng cá nhân khác; - Dịch vụ cho thuê kho bãi, máy móc, phương tiện vận tải; Bốc xếp hàng hóa và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải như kinh doanh bến bãi, bán vé, trông giữ phương tiện; - Dịch vụ bưu chính, chuyển phát thư tín và bưu kiện; - Dịch vụ môi giới, đấu giá và hoa hồng đại lý; - Dịch vụ tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, kế toán, kiểm toán; dịch vụ làm thủ tục hành chính thuế, hải quan; - Dịch vụ xử lý dữ liệu, cho thuê cổng thông tin, thiết bị công nghệ thông tin, viễn thông; - Dịch vụ hỗ trợ văn phòng và các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác; - Dịch vụ tắm hơi, massage, karaoke, vũ trường, bi-a, internet, game; - Dịch vụ may đo, giặt là; Cắt tóc, làm đầu, gội đầu; - Dịch vụ sửa chữa khác bao gồm: sửa chữa máy vi tính và các đồ dùng gia đình; - Dịch vụ tư vấn, thiết kế, giám sát thi công xây dựng cơ bản; - Các dịch vụ khác; - Xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu (bao gồm cả lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp).	5%

III. Cách tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu 2021.

TT	Hoạt động cụ thể	Tỷ lệ %
3	Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu gồm: - Sản xuất, gia công, chế biến sản phẩm hàng hóa; - Khai thác, chế biến khoáng sản; - Vận tải hàng hóa, vận tải hành khách; - Dịch vụ kèm theo bán hàng hóa như dịch vụ đào tạo, bảo dưỡng, chuyển giao công nghệ kèm theo bán sản phẩm; - Dịch vụ ăn uống; - Dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; - Xây dựng, lắp đặt có bao thầu nguyên vật liệu (bao gồm cả lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp).	3%
4	Hoạt động kinh doanh khác gồm: - Hoạt động sản xuất các sản phẩm thuộc đối tượng tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 5%; - Hoạt động cung cấp các dịch vụ thuộc đối tượng tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 5%; - Các hoạt động khác chưa được liệt kê ở các nhóm 1, 2, 3 nêu trên.	2%

Lưu ý: Đối với hộ, cá nhân kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khoán, cơ quan thuế xác định doanh thu, thuế giá trị gia tăng phải nộp theo tỷ lệ % trên doanh thu của hộ khoán theo hướng dẫn trên căn cứ vào tài liệu, số liệu khai thuế của hộ khoán, cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế, kết quả điều tra doanh thu thực tế và ý kiến của hội đồng tư vấn thuế xã, phường.

Trường hợp hộ, cá nhân nộp thuế theo phương pháp khoán kinh doanh nhiều ngành nghề thì cơ quan thuế xác định số thuế phải nộp theo tỷ lệ của hoạt động kinh doanh chính.



VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

- 40 Thông tư số: 01/2021/TT-BKHĐT ngày 13 tháng 3 năm 2021 của Bộ Kế hoạch Đầu tư.
- 41 Thông tư số: 19/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Bộ Tài chính.
- 42 Nghị định số: 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.
- 43 Nghị định số: 44/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

Thông tư số: 01/2021/TT-BKHĐT ngày 13 tháng 3 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021 Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT Hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.

Đây là nội dung đáng chú ý tại Thông tư 01/2021/TT-BKHĐT, theo đó:

Ban hành 99 biểu mẫu dùng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh được sử dụng thống nhất trên toàn quốc, đơn cử như:

- Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo uỷ quyền (Phụ lục I-10);
- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục II-1);
- Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật (Phụ lục II-2);
- Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (Phụ lục II-9);
- Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (Phụ lục II-19);

- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (Phụ lục II-20);

- Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp (Phụ lục II-22);

- Giấy đề nghị công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục II-24) ...

Thông tư 01/2021/TT-BKHĐT có hiệu lực từ ngày 01/5/2021 và thay thế Thông tư 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015, Thông tư 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019.

Thông tư số: 19/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Bộ Tài chính.

Ngày 18/3/2021 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 19/2021/TT-BTC về Hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

Theo đó, người nộp thuế có thể đăng ký giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thông qua các cách sau đây:

Cách 1: Đăng ký tài khoản giao dịch thuế điện tử trực tiếp với cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Cách 2: Đăng ký giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thông qua Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, gồm:

- Cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác.

Cách 3: Đăng ký giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

Thông tư 19/2021/TT-BTC có hiệu lực thi hành từ 03/5/2021.



Nghị định số: 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021 Chính phủ ban hành Nghị định số: 31/2021/NĐ-CP về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật đầu tư.

Cụ thể, nhà đầu tư phải ký quỹ hoặc phải có bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam về nghĩa vụ ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Mức bảo đảm thực hiện dự án đầu tư được tính bằng tỷ lệ phần trăm trên vốn đầu tư của dự án đầu tư như sau: Mức bảo đảm là 3% đối với phần vốn đến 300 tỷ đồng; 2% đối với phần vốn trên 300-1000 tỷ đồng; trên 1000 tỷ đồng, mức bảo đảm là 1%.

Bên cạnh đó, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án đầu tư sau đây: Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu chức năng trong khu kinh tế; Dự án đầu tư thực hiện trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.

Ngoài ra, đối với dự án trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế được thực hiện các hoạt động gồm: Thuê hoặc mua nhà xưởng, văn phòng, kho bãi đã xây dựng để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Sử dụng có trả tiền các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các công trình dịch vụ; Được cho thuê, cho thuê lại nhà xưởng, văn phòng, kho bãi và các công trình khác đã xây dựng để phục vụ sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật ...

Nghị định có hiệu lực kể từ ngày 26/3/2021.

Nghị định số: 44/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021 Chính phủ ban hành Nghị định số 44/2021/NĐ-CP về Hướng dẫn thực hiện về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch COVID-19.

Theo đó, tổ chức, doanh nghiệp được:

- Tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ bằng tiền, hiện vật cho hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 tại VN thông qua các đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ.

- Đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ bao gồm:

+ Ủy ban MTTQVN các cấp;

+ Cơ sở y tế; đơn vị lực lượng vũ trang;

+ Cơ sở giáo dục; cơ quan báo chí; quỹ phòng, chống dịch Covid-19 các cấp; quỹ từ thiện, nhân đạo;...

- Hồ sơ xác định chi phí ủng hộ, tài trợ được trừ gồm:

Biên bản xác nhận ủng hộ, tài trợ hoặc văn bản, tài liệu (giấy/điện tử) xác nhận khoản chi có chữ ký, đóng dấu của người đại diện doanh nghiệp là bên ủng hộ, tài trợ và đại diện của đơn vị nhận; kèm hóa đơn, chứng từ hợp pháp của khoản chi.

Nghị định 44/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31/3/2021 và áp dụng cho kỳ tính thuế TNDN năm 2020 và năm 2021.

Bản tin này bao gồm thông tin dưới dạng tóm tắt, do đó chỉ mang tính hướng dẫn chung. Bản tin này không nhằm thay thế cho nghiên cứu chi tiết hay đưa ra đánh giá, kết luận về mặt chuyên môn. Chúng tôi khuyến cáo độc giả hãy liên hệ với công ty để tham khảo ý kiến của các chuyên gia chuyên trách và không thừa nhận bất kỳ trách nhiệm nào với các thiệt hại xảy ra với bất kỳ cá nhân nào hành động hoặc có ý định hành động theo thông tin trong bản tin này.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Trụ sở chính

Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Tel : 024 3783 2121

Fax: 024 3783 2122

CN. Miền Nam

Tầng 4, Tòa nhà Hoàng Anh Safomec, 7/1 Thành Thái, P.14, Q.10, TP. Hồ Chí Minh.

Tel : 028 3832 9969

Fax: 028 3832 9959

CN. Miền bắc

Số 97 Trần Quốc Toản, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

Tel : 024 7306 1268

Fax: 024 7306 1269

VP. Đại diện

Tầng 16, Tòa nhà T01-C37 Bắc Hà, đường Tố Hữu, Q.Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Tel : 024 6666 6368

Fax: 024 6666 6368